

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 10

MÔN: TIẾNG ANH 6 ENGLISH DISCOVERY



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. B	2. D	3. A	4. B	5. A	6. C	7. C	8. B	9. C	10. A
11. B	12. C	13. A	14. D	15. B	16. B	17. D	18. F	19. T	20. T
21. T	22. F	23. B	24. C	25. C	26. D	27. A	28. A	29. C	30. A
31. B	32. C	33. B	34. C	35. B	36. A	37. C	38. D	39. A	40. B

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Phương pháp:

- Đọc các từ để xác định phát âm của từ được gạch chân.
- Trong trường học chưa biết cách đọc có thể tra từ điển Anh - Anh để xác định kí hiệu phiên âm của phần được gạch chân.
- So sánh để chọn ra đáp án có phần được gạch chân đọc khác với các từ còn lại.

1. B

- A. leave /li:v/
- B. break /breɪk/
- C. repeat /ri'pi:t/
- D. peaceful /'pi:sfl/

Phần gạch chân phương án B được phát âm là /eɪ/, còn lại phát âm là /i:/.

Chọn B

2. D

- A. cinema /'sɪnəmə/
- B. city /'sɪti/
- C. central /'sentrəl/
- D. cathedral /kə'thi:dərəl/

Phần gạch chân phương án D được phát âm là /k/, còn lại phát âm là /s/.

Chọn D

3. A

- A. great /greɪt/
- B. clean /kli:n/
- C. treat /tri:t/
- D. beach /bi:tʃ/

Phần gạch chân phương án A được phát âm là /eɪ/, còn lại phát âm là /i:/.

Chọn A

4. B

Phương pháp:

Áp dụng quy tắc thành lập sở hữu cách với tên riêng chỉ người.

Lời giải chi tiết:

Quy tắc hình thành sở hữu cách với tên riêng chỉ người: Tên người + 's

Câu hoàn chỉnh: Whose calculator is this? – It's **Trung's**.

(*Đây là máy tính của ai? – Nó là của Trung.*)

Chọn B

5. A

Phương pháp:

Áp dụng quy tắc về vị trí của trạng từ tần "never" suất với động từ "am"

Lời giải chi tiết:

Vị trí của trạng từ tần suất:

+ sau động từ "be" => I am never

+ nếu đứng đầu câu thì phải đảo ngữ => Never am I

Câu hoàn chỉnh: **I am never** bored with English lessons.

(*Tôi không bao giờ cảm thấy chán những tiết học tiếng Anh.*)

Chọn A

6. C

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các trạng từ tần suất trong các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

She is a good student. She _____ does her homework on time.

(*Cô ấy là một học sinh giỏi. Cô ấy _____ làm bài tập đúng giờ.*)

Lời giải chi tiết:

A. never (adv): không bao giờ

B. rarely (adv): hiếm khi

C. usually (adv): thường xuyên

D. seldom (adv): hiếm khi

Câu hoàn chỉnh: She is a good student. She **usually** does her homework on time.

(*Cô ấy là một học sinh giỏi. Cô ấy thường xuyên làm bài tập đúng giờ.*)

Chọn C

7. C

Phương pháp:

Dựa vào “the wall” và dịch nghĩa của các giới từ chỉ vị trí để chọn đáp án đúng.

There are some pictures _____ the wall in the living room of my house.

(Có một vài bức tranh _____ tường trong phòng khách nhà tôi.)

Lời giải chi tiết:

- A. in (prep): trong
- B. at (prep): tại
- C. on (prep): trên
- D. under (prep): dưới

Câu hoàn chỉnh: There are some pictures **on** the wall in the living room of my house.

(Có một vài bức tranh trên tường trong phòng khách nhà tôi.)

Chọn C

8. B

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

Laura is very _____ . She always entertains us with jokes and stories.

(Laura rất _____. Cô ấy luôn làm chúng tôi thấy giải trí bằng những lời nói đùa và các mẩu truyện.)

Lời giải chi tiết:

- A. confident (adj): tự tin
- B. funny (adj): buồn cười, hài hước
- C. caring (adj): quan tâm, chu đáo
- D. smart (adj): thông minh

Câu hoàn chỉnh: Laura is very **funny**. She always entertains us with jokes and stories.

(Laura rất vui tính. Cô ấy luôn làm chúng tôi thấy giải trí bằng những lời nói đùa và các mẩu truyện.)

Chọn B

9. C

Phương pháp:

- Nhìn qua các đáp án để loại những đáp án sai ngữ pháp dựa theo cấu trúc chia động từ thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn.
- Dựa vào động từ “Look!” để nhận biết thì hiện tại tiếp diễn và áp dụng công thức thì hiện tại tiếp diễn để loại tiếp những đáp án sai còn lại.

Lời giải chi tiết:

- Cấu trúc thì hiện tại đơn với chủ ngữ “students” số nhiều: S + V (nguyên thể) => loại B, D
- Dựa vào câu mệnh lệnh “Look!” để nhận biết thì hiện tại tiếp diễn với chủ ngữ “students” số nhiều: S + are V-ing => loại A

Câu hoàn chỉnh: It's cold. Look! The students **are wearing** warm clothes.

(Trời lạnh thật. Nhìn kìa! Học sinh đang mặc quần áo ấm.)

Chọn C

10. A

Phương pháp:

Dựa vào chủ ngữ "she" và công thức thì hiện tại đơn dạng phủ định với chủ ngữ số ít để loại bỏ những đáp án sai.

Lời giải chi tiết:

Cấu trúc thì hiện tại đơn với chủ ngữ "she" số ít dạng phủ định: She + does NOT (= doesn't) + V (nguyên thể)
=> loại B, C, D

Câu hoàn chỉnh: Phuong is very good at English and history, but she **doesn't like** maths much.

(Phuong rất giỏi tiếng Anh và lịch sử, nhưng cô ấy không thích toán lắm.)

Đáp án A

11. B

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

My friend Tania is very _____ . She is good at learning things.

(Bạn Tania của tôi rất _____. Bạn ấy rất giỏi học hỏi nhiều thứ.)

Lời giải chi tiết:

A. creative (adj): sáng tạo

B. smart (adj): thông minh

C. patient (adj): kiên nhẫn

D. funny (adj): buồn cười, hài hước

Câu hoàn chỉnh: My friend Tania is very _____. She is good at learning things.

(Bạn Tania của tôi rất thông minh. Bạn ấy rất giỏi học hỏi nhiều thứ.)

Chọn B

12. C

Phương pháp:

Dựa vào danh từ "rope" và dịch nghĩa của các động từ để chọn động từ đúng kết hợp được với nó.

Look! The girls are _____ rope in the playground.

(Nhìn kìa! Các bạn gái đang _____ dây trong sân.)

Lời giải chi tiết:

=> skip rope: nhảy dây

A. dancing (V-ing): nhảy múa, khiêu vũ

B. playing (V-ing): chơi

C. skipping (V-ing): nhảy, nhảy dây, bỏ qua

D. doing (V-ing): làm

Câu hoàn chỉnh: Look! The girls are **skipping** rope in the playground.

(Nhìn kìa! Các bạn gái đang nhảy dây trên sân chơi.)

Chọn C

13. A

Phương pháp:

Nhìn qua các đáp án và dựa vào chủ ngữ "I" áp dụng cấu trúc chia thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn để loại bỏ tất cả những đáp án sai.

Lời giải chi tiết:

Cấu trúc thì hiện tại đơn: I + V (nguyên thể) => loại B

Cấu trúc thì hiện tại tiếp diễn: I am + V-ing => loại C, D

Câu hoàn chỉnh: What are you doing this weekend? – I **am visiting** my grandparents in the hometown.

(Bạn sẽ làm gì cuối tuần này? - Tôi sẽ thăm ông bà ở quê.)

Chọn A

14. D

Phương pháp:

Dựa vào danh từ "glue" và cách sử dụng của các lượng từ "a/ many/ some" để loại những đáp án sai.

Lời giải chi tiết:

glue (n): keo dán => danh từ không đếm được

Danh từ không đếm được không tồn tại hình thức số nhiều (thêm -s) => loại A, B

Mạo từ "a" + danh từ số ít đếm được => loại C

some + danh từ không đếm được hoặc danh từ số nhiều => some glue: *một ít keo dán*

Câu hoàn chỉnh: We need **some glue** to fix this vase.

(Chúng ta cần *một ít* keo để cố định chiếc bình này.)

Chọn D

15. B

Phương pháp:

- Dựa vào mệnh đề "I don't know" để xác định từ loại theo sau để bỏ nghĩa cho nó.

- Xác định từ loại và nghĩa của các đáp án để loại đáp án sai.

- Dịch nghĩa của câu và lần lượt điền các đáp án sao cho tạo thành câu có nghĩa đúng.

I don't know _____ about the world's geography.

(Tôi không biết _____ về địa lý thế giới.)

Lời giải chi tiết:

Sau mệnh đề "I don't know" (Tôi không biết) cần trạng từ bỏ nghĩa cho nó.

- A. some (adv): xấp xỉ/ khoảng
- B. much (adv): nhiều
- C. many => không tồn tại chức năng ngữ pháp trạng ngữ
- D. any = at all: thường đứng trước tính từ hoặc trạng từ trong câu phủ định và câu hỏi

Câu hoàn chỉnh: I don't know **much** about the world's geography.

(Tôi không biết nhiều về địa lý thế giới.)

Chọn B

16. B

Phương pháp:

- Nhận diện đề bài có từ được làm bật trong câu, có từ CLOSEST (đồng nghĩa).
- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu để từ đó xác định được nghĩa của từ được làm nổi bật.
- Dịch nghĩa các đáp án và so sánh với nghĩa của từ được làm nổi bật để chọn được đáp án phù hợp nhất.

Lời giải chi tiết:

The cold weather has made it necessary to protect the crops.

(Thời tiết lạnh giá đã khiến cho việc bảo vệ mùa màng trở nên cần thiết.)

necessary (adj): cần thiết

- A. popular (adj): phổ biến
- B. essential (adj): thiết yếu
- C. incredible (adj): đáng kinh ngạc, khó tin
- D. unbelievable (adj): không thể tin được

=> necessary = essential

Chọn B

17. D

Phương pháp:

- Nhận diện đề bài có từ được làm bật trong câu, có từ OPPOSITE (trái nghĩa).
- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu để từ đó xác định được nghĩa của từ được làm nổi bật.
- Dịch nghĩa các đáp án và so sánh với nghĩa của từ được làm nổi bật để chọn được đáp án phù hợp nhất.

Lời giải chi tiết:

Food in this supermarket is very expensive.

(Thực phẩm ở siêu thị này rất đắt.)

expensive (adj): đắt, đắt đỏ

- A. fresh (adj): sạch
- B. rare (adj): hiếm
- C. overpriced (adj): quá đắt
- D. cheap (adj): rẻ

=> expensive >> cheap

Chọn D

Bài nghe:

New York City is a city in the northeast of the USA. It's a very busy and crowded City. About 8.4 million people live there. The city is located by the Sea. They built most of it on three main islands: Long Island, Manhattan, and Staten Island. The weather gets very cold in the winter and warm in the summer. Every year, more than 60 million people visit New York City. It is famous for its many Museums, Art centres, tall buildings, shopping malls, and of course the Statue of Liberty.

Tạm dịch:

Thành phố New York là một thành phố ở phía đông bắc của Hoa Kỳ. Đó là một Thành phố rất bận rộn và đông đúc. Khoảng 8,4 triệu người sống ở đó. Thành phố nằm cạnh Biển. Họ đã xây dựng hầu hết nó trên ba hòn đảo chính: Long Island, Manhattan và Staten Island. Thời tiết trở nên rất lạnh vào mùa đông và ấm áp vào mùa hè. Hàng năm, hơn 60 triệu người đến thăm thành phố New York. Nơi đây nổi tiếng với nhiều Bảo tàng, Trung tâm nghệ thuật, nhà cao tầng, trung tâm mua sắm và tất nhiên là tượng Nữ thần Tự do.

Phương pháp:

- Đọc câu đề bài và gạch chân các từ khóa quan trọng.
- Nghe và chú ý và thông tin chứa từ đã gạch chân.
- So sánh thông tin nghe được với nội dung câu hỏi để xác định câu là đúng (True) hay sai (False).

18. False

New York City is in the south of the USA.

(Thành phố New York nằm ở phía nam của Hoa Kỳ.)

Thông tin: New York City is a city in the northeast of the USA.

(Thành phố New York là một thành phố ở phía đông bắc của Hoa Kỳ.)

Chọn False

19. True

The population is around 8.4 million people.

(Dân số khoảng 8,4 triệu người.)

Thông tin: About 8.4 million people live there.

(Khoảng 8,4 triệu người sống ở đó.)

Chọn True

20. True

They built the city on three islands.

(Họ xây dựng thành phố trên ba hòn đảo.)

Thông tin: They built most of it on three main islands: Long Island, Manhattan, and Staten Island.

(Họ đã xây dựng hầu hết nó trên ba hòn đảo chính: Long Island, Manhattan và Staten Island.)

Chọn True

21. True

New York City gets very cold in the winter and warm in the summer.

(Thành phố New York rất lạnh vào mùa đông và ấm áp vào mùa hè.)

Thông tin: The weather gets very cold in the winter and warm in the summer.

(Thời tiết trở nên rất lạnh vào mùa đông và ấm áp vào mùa hè.)

Chọn True

22. False

More than ninety million people visit New York City every year.

(Hơn chín mươi triệu người đến thăm Thành phố New York mỗi năm.)

Thông tin: Every year, more than 60 million people visit New York City.

(Hàng năm, hơn 60 triệu người đến thăm thành phố New York.)

Chọn False

Tạm dịch bài đọc:

NHỮNG NGƯỜI HÀNG XÓM ỒN ÀO

Đôi khi bạn có gặp vấn đề với hàng xóm của mình như tiếng ồn hoặc xả rác không? Chà, người dân Pilton Somerset, Anh Quốc đều gặp vấn đề như vậy vào mỗi mùa hè. Trong ba hoặc bốn ngày hàng năm, ngôi làng tràn ngập rất nhiều người ở mọi lứa tuổi đến đây để tham gia lễ hội âm nhạc pop Glastonbury thường niên. Họ thường ở trong lều, xe tải nhà lưu động và nhà lưu động. Họ vứt lại lon nước uống và giấy rác trên khắp đường phố. Nhạc phát đến tận đầu giờ sáng, và bạn có thể nghe thấy mọi người nói chuyện và ca hát suốt đêm. Ngôi làng đồng quê yên tĩnh trở thành một cơn ác mộng để sinh sống và một số dân làng thậm chí đang nghĩ đến việc chuyển đến một ngôi làng khác. Năm ngoái một người dân cho biết; "Tôi không muốn Lễ hội Glastonbury dừng lại. Tôi chỉ muốn người hâm mộ tận hưởng lễ hội mà không làm xáo trộn cuộc sống làng quê bình thường".

Phương pháp chung:

- Đọc câu đề bài và các đáp án để gạch chân các từ khóa quan trọng.
- Đọc lướt qua các đoạn văn và dừng lại ở đoạn thông tin có chứa từ khóa.
- So sánh thông tin trong bài đọc với nội dung cần tìm dựa vào sự tương quan về nghĩa và ngữ pháp để chọn đáp thích hợp nhất.

23. B

What happens in Pilton, Somerset every summer?

(Điều gì xảy ra ở Pilton, Somerset mỗi mùa hè?)

A. The neighbours are noisy.

(Những người hàng xóm rất ồn ào.)

B. There is a pop music festival.

(Có một lễ hội nhạc pop.)

C. The villagers litter the streets.

(Dân làng xả rác ra đường.)

D. There are many villagers.

(Có nhiều dân làng.)

Thông tin: Well, the people of Pilton Somerset, England have such problems every summer. For three or four days every year, the village is full of people of all ages who come here for the annual Glastonbury pop music festival.

(Chà, người dân Pilton Somerset, Anh Quốc đều gặp vấn đề như vậy vào mỗi mùa hè. Trong ba hoặc bốn ngày hàng năm, ngôi làng tràn ngập rất nhiều người ở mọi lứa tuổi đến đây để tham gia lễ hội âm nhạc pop Glastonbury thường niên.)

Chọn B

24. C

Visitors litter the streets with _____.

(Du khách vứt _____ ra đường.)

A. tents (lều trại)

B. motorhomes (nhà lưu động)

C. cans and papers (lon và giấy)

D. caravans (xe tải có hình dạng ngôi nhà lưu động)

Thông tin: They leave drink cans and papers all over the street.

(Họ vứt lại lon nước uống và giấy rác trên khắp đường phố.)

Chọn C

25. C

How long is the pop music festival every year?

(Hàng năm thì lễ hội nhạc pop kéo dài bao lâu?)

A. The whole year. (Cả năm.)

B. One night. (Một tối.)

C. Three or four days. (3 hoặc 4 ngày.)

D. The whole summer. (Cả mùa hè.)

Thông tin: For three or four days every year, the village is full of people of all ages who come here for the annual Glastonbury pop music festival.

(Trong ba hoặc bốn ngày hàng năm, ngôi làng tràn ngập rất nhiều người ở mọi lứa tuổi đến đây để tham gia lễ hội âm nhạc pop Glastonbury thường niên.)

Chọn C

26. D

What is Pilton like during the rest of the year?

(Pilton là một nơi như thế nào trong suốt thời gian còn lại của năm?)

A. A music concert. (Một buổi hoà nhạc.)

B. A nightmare. (Một cơn ác mộng.)

C. A noisy place. (Một địa điểm ồn ào.)

D. A quiet village. (Một ngôi làng yên tĩnh.)

Thông tin: The quiet country village becomes a nightmare to live in and some villagers are even thinking of moving to another village.

(Ngôi làng đồng quê yên tĩnh trở thành một cơn ác mộng để sinh sống và một số dân làng thậm chí đang nghĩ đến việc chuyển đến một ngôi làng khác.)

Chọn D

27. A

The villagers just want to _____.

(Dân làng chỉ muốn _____.)

A. have a normal life as usual

(có một cuộc sống bình thường như thường lệ)

B. stop the fans enjoying the festival

(ngăn những người hâm mộ tận hưởng lễ hội)

C. move far away

(bỏ đi thật xa)

D. put an end to the festival

(đặt dấu chấm hết cho cái lễ hội này)

Thông tin: A villager said that last year; “I don’t want stop the Glastonbury Festival. I just want the fans to enjoy the festival without disturbing normal village life”.

(Năm ngoái một người dân cho biết; “Tôi không muốn Lễ hội Glastonbury dừng lại. Tôi chỉ muốn người hâm mộ tận hưởng lễ hội mà không làm xáo trộn cuộc sống làng quê bình thường”.)

Chọn A

28. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

Trang An in Ninh Binh is a charming and (28) _____ site in Viet Nam.

(Tràng An ở Ninh Bình là một địa điểm hấp dẫn và _____ ở Việt Nam.)

Lời giải chi tiết:

A. fantastic (adj): tuyệt vời

B. active (adj): năng động

C. smart (adj): thông minh

Trang An in Ninh Binh is a charming and (28) **fantastic** site in Viet Nam.

(Tràng An ở Ninh Bình là một địa điểm hấp dẫn và **tuyệt vời** ở Việt Nam.)

Chọn A

29. C

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

There are (29) _____ running along these valleys, reflecting the blue sky above.

(Có những _____ chạy dọc theo những thung lũng này, phản chiếu bầu trời xanh trên cao.)

A. lakes (n): những cái hồ

B. seas (n): biển

C. rivers (n): những con sông

There are (29) **rivers** running along these valleys, reflecting the blue sky above.

(Có những con sông chạy dọc theo những thung lũng này, phản chiếu bầu trời xanh trên cao.)

Chọn C

30. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

Making boat trips is a perfect way to fully enjoy the (30) _____ here.

(Đi các chuyến du ngoạn bằng thuyền là một cách hoàn hảo để tận hưởng trọn vẹn _____ nơi đây.)

Lời giải chi tiết:

A. scenery (n): phong cảnh

B. surrounding (n): sự bao quanh

C. neighbourhood (n): khu hàng xóm, khu dân cư lân cận

Making boat trips is a perfect way to fully enjoy the (30) **scenery** here.

(Đi các chuyến du ngoạn bằng thuyền là một cách hoàn hảo để tận hưởng trọn vẹn phong cảnh nơi đây.)

Chọn A

31. B

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

There are also tens of wonderful natural caves that you should (31) _____ on foot.

(Ngoài ra còn có hàng chục hang động tự nhiên tuyệt vời mà bạn nên đi bộ _____.)

Lời giải chi tiết:

A. enjoy (v): tận hưởng, thích thú

B. explore (v): khám phá

C. look (v): nhìn

There are also tens of wonderful natural caves that you should (31) **explore** on foot.

(Ngoài ra còn có hàng chục hang động tự nhiên tuyệt vời mà bạn nên đi bộ _____.)

Chọn B

32. C

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

Many world (32) **travellers** call Trang An “Ha Long Bay on the land”.

(Nhiều _____ thế giới gọi Tràng An là “Vịnh Hạ Long trên cạn”.)

Lời giải chi tiết:

A. goers (n): người đi lại (dùng cho danh từ ghép)

B. tours (n): những chuyến du lịch

C. travellers (n): những người đi du lịch, du khách

Many world (32) **travellers** call Trang An “Ha Long Bay on the land”.

(Nhiều du khách thế giới gọi Tràng An là “Vịnh Hạ Long trên cạn”.)

Chọn C

Bài đọc hoàn chỉnh:

Trang An in Ninh Binh is a charming and (28) **fantastic** site in Viet Nam. The whole picture of Trang An has limestone mountains, forests and golden rice fields. The valleys here are amazingly beautiful like colourful carpets. There are (29) **rivers** running along these valleys, reflecting the blue sky above. Making boat trips is a perfect way to fully enjoy the (30) **scenery** here. There are also tens of wonderful natural caves that you should (31) **explore** on foot. Many world (32) **travellers** call Trang An “Ha Long Bay on the land”.

Tạm dịch:

Tràng An ở Ninh Bình là một địa điểm hấp dẫn và tuyệt vời ở Việt Nam. Toàn cảnh Tràng An có núi đá vôi, rừng cây và cánh đồng lúa chín vàng. Những thung lũng ở đây đẹp đến ngỡ ngàng như những tấm thảm đầy màu sắc. Có những con sông chạy dọc theo những thung lũng này, phản chiếu bầu trời xanh trên cao. Đi các chuyến du ngoạn bằng thuyền là một cách hoàn hảo để tận hưởng trọn vẹn phong cảnh nơi đây. Ngoài ra còn có hàng chục hang động tự nhiên tuyệt vời mà bạn nên đi bộ khám phá. Nhiều du khách thế giới gọi Tràng An là “Vịnh Hạ Long trên cạn”.

33. B

Phương pháp:

Nhìn qua các đáp án và áp dụng công thức so sánh bằng và so sánh hơn với tính từ dài “intelligent” để loại những đáp án sai.

Lời giải chi tiết:

Công thức so sánh với tính từ dài:

- so sánh bằng: N1 + be + AS + adj + AS + N2 => loại C, D

- so sánh hơn: N1 + be + MORE + adj + THAN + N2 => loại A

Câu hoàn chỉnh: **Mai is more intelligent than Kien.**

(Mai thì thông minh hơn Kiên.)

Chọn B

34. C

Phương pháp:

Nhìn qua các đáp án và áp dụng công thức so sánh bằng và so sánh hơn với tính từ ngắn “strong” để loại những đáp án sai.

Lời giải chi tiết:

Công thức so sánh với tính từ ngắn:

- so sánh bằng: N1 + be + AS + adj + AS + N2 => loại B, D

- so sánh hơn: N1 + be + adj-ER + THAN + N2 => loại A

Câu hoàn chỉnh: **My brother is stronger than my sister.**

(Anh trai tôi khỏe hơn em gái tôi.)

Chọn C

35. B

Phương pháp:

Nhìn qua các đáp án và áp dụng công thức so sánh bằng và so sánh hơn với tính từ ngắn “big” để loại những đáp án sai.

Lời giải chi tiết:

Công thức so sánh với tính từ ngắn:

- so sánh bằng: N1 + be + AS + adj + AS + N2 => loại C, D

- so sánh hơn: N1 + be + adj-ER + THAN + N2

Quy tắc thêm _ER với tính từ đặc biệt “big” => bigger => loại A

Câu hoàn chỉnh: **My school is bigger than my brother’s school.**

(Trường của tôi lớn hơn trường của anh trai tôi.)

Chọn B

36. A

Phương pháp:

Nhìn qua các đáp án và áp dụng công thức so sánh bằng và so sánh hơn với tính từ dài “exciting” để loại những đáp án sai.

Lời giải chi tiết:

Công thức so sánh với tính từ dài:

- so sánh bằng: N1 + be + AS + adj + AS + N2 => loại D

- so sánh hơn: N1 + be + MORE + adj + THAN + N2 => loại B, C

Câu hoàn chỉnh: **Living in the city is more exciting than living in the countryside.**

(*Sống ở thành phố thú vị hơn sống ở nông thôn.*)

Chọn A

Phương pháp chung:

- Nhìn qua các đáp án để loại những đáp án sai ngữ pháp.

- Dịch câu đề bài và những đáp án đúng ngữ pháp.

- So sánh nghĩa của các đáp án với nghĩa của câu đề bài để chọn đáp án có nghĩa gần nhất với câu đã cho.

37. C

It is necessary for us to be present at the class discussion on Saturday.

(*Điều cần thiết là chúng tôi là phải có mặt trong buổi thảo luận của lớp vào ngày thứ Bảy.*)

A. We can be present at the class discussion on Saturday. => không phù hợp về nghĩa

(*Chúng ta có thể có mặt trong buổi thảo luận của lớp vào thứ Bảy.*)

B. We are present at the class discussion on Saturday. => không phù hợp về nghĩa

(*Chúng tôi có mặt trong buổi thảo luận của lớp vào thứ Bảy.*)

C. We must be present at the class discussion on Saturday. => đúng

(*Chúng tôi phải có mặt trong buổi thảo luận của lớp vào thứ Bảy.*)

D. We mustn't be present at the class discussion on Saturday. => không phù hợp về nghĩa

(*Chúng tôi không được có mặt trong cuộc thảo luận của lớp vào thứ Bảy.*)

Chọn C

38. D

There's a post office on one side of my house and a café on the other.

(*Có một bưu điện ở một bên nhà tôi và một quán cà phê ở bên còn lại.*)

A. There's a post office next to my house. => không phù hợp về nghĩa

(*Có một bưu điện canh nhà tôi.*)

B. There's a café office next to my house. => không phù hợp về nghĩa

(*Có một văn phòng quán cà phê bên canh nhà tôi.*)

C. There's a post office and a café beside my house. => không phù hợp về nghĩa

(*Có một bưu điện và một quán cà phê bên cạnh nhà tôi.*)

D. My house is between a post office and a café. => đúng

(*Nhà tôi ở giữa một bưu điện và một quán cà phê.*)

Chọn D

39. A

Áp dụng công thức chuyển đổi giữa “have” và “there be”

S + have: ... có

There is + danh từ số ít

There are + danh từ số nhiều

Lời giải chi tiết:

There are some chairs and a table in the kitchen.

(Có một vài cái ghế và một cái bàn trong nhà bếp.)

A. We have some chairs and a table in the kitchen. => đúng

(Chúng tôi có một vài cái ghế và một cái bàn trong nhà bếp.)

B. There have some chairs and a table in the kitchen. => sai ở “have”

C. There is some chairs and a table in the kitchen. => sai ở “is”

D. We have any chairs and a table in the kitchen. => sai ở “any” vì đề bài cho “some”

Chọn A

40. B

It is wrong of us to throw rubbish.

(Chúng ta xả rác là sai.)

A. We should throw rubbish. => không phù hợp về nghĩa

(Chúng ta nên xả rác.)

B. We mustn't throw rubbish.

(Chúng ta không được xả rác.)

C. We must throw rubbish. => không phù hợp về nghĩa

(Chúng ta phải xả rác.)

D. We needn't throw rubbish. => không phù hợp về nghĩa

(Chúng ta không cần xả rác.)

Chọn B